

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 54 /2015/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 08 tháng 6 năm 2015

NGHỊ ĐỊNH
Quy định về ưu đãi đối với
hoạt động sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường,

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về ưu đãi đối với hoạt động sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định ưu đãi về vay vốn, miễn, giảm thuế đối với hoạt động sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có hoạt động liên quan đến sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả là việc áp dụng các biện pháp, công nghệ để tuần hoàn, tái sử dụng nước, thu gom nước mưa, xử lý nước lợ, nước mặn thành nước ngọt để sử dụng hoặc để hạn chế lượng nước sử dụng cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh và đời sống.

2. Sản phẩm tiết kiệm nước là sản phẩm, thiết bị, công nghệ tiêu thụ ít nước hơn so với định mức tiêu thụ nước trong các hoạt động do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định, phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Tái sử dụng nước là hoạt động sử dụng lại nước thải đã được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia phù hợp với mục đích sử dụng lại.

4. Sử dụng nước tuần hoàn là quá trình sử dụng lại nước cho chính mục đích đã được sử dụng ban đầu.

Điều 4. Nguyên tắc ưu đãi

1. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thực hiện nhiều hoạt động sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả thuộc trường hợp được hưởng ưu đãi thì được hưởng ưu đãi tương ứng với các hoạt động đó theo quy định của Nghị định này.

2. Một hoạt động sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả nếu được hưởng các hình thức, mức ưu đãi khác nhau theo quy định của pháp luật thì tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được lựa chọn hình thức, mức ưu đãi có lợi nhất.

3. Không ưu đãi đối với hoạt động đầu tư thiết bị, công nghệ tiết kiệm nước lạc hậu.

Điều 5. Các hành vi bị nghiêm cấm

1. Khai báo không trung thực, giả mạo hồ sơ, gian lận để được hưởng ưu đãi; sử dụng ưu đãi không đúng mục đích.

2. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong việc thực hiện chính sách ưu đãi hoạt động sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả.

3. Gây khó khăn, cản trở tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong việc được hưởng ưu đãi.

Chương II

ƯU ĐÃI VỀ VAY VỐN, MIỄN, GIẢM THUẾ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG SỬ DỤNG NƯỚC TIẾT KIỆM, HIỆU QUẢ

Điều 6. Các hoạt động sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả được hưởng ưu đãi

1. Tái sử dụng nước, sử dụng nước tuần hoàn:

a) Tổ chức đầu tư xây dựng mới hoặc cải tạo nâng cấp hạng mục công trình để thu gom, xử lý nước thải có quy mô từ 40 m³/ngày đêm trở lên, đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước phù hợp với mục đích được tái sử dụng và sử dụng lượng nước đó cho các hoạt động của mình đạt từ 80% trở lên;

b) Tổ chức đầu tư xây dựng mới hoặc cải tạo nâng cấp, đầu tư chiều sâu hạng mục công trình để sử dụng nước tuần hoàn cho các hoạt động của mình với quy mô từ 500 m³/ngày đêm trở lên, nhưng không bao gồm hoạt động sử dụng nước tuần hoàn để làm mát và các hình thức tuần hoàn khác theo quy trình, công nghệ sản xuất;

c) Tổ chức quản lý khai thác công trình thủy lợi đầu tư cải tạo nâng cấp, sửa chữa các hạng mục của hệ thống thủy lợi để sử dụng nước hồi quy trong phạm vi hệ thống thủy lợi với tỷ lệ từ 15% trở lên lượng nước cấp vào hệ thống.

2. Thu gom nước mưa để sử dụng cho sinh hoạt:

a) Tổ chức đầu tư xây dựng hệ thống thu gom nước mưa, dự trữ vào bể chứa có dung tích từ 500 m³ trở lên để sử dụng cho mục đích sinh hoạt tại các vùng biên giới, hải đảo, vùng khan hiếm nước ngọt;

b) Hộ gia đình, cá nhân xây dựng hệ thống thu gom nước mưa, dự trữ vào bể chứa có dung tích từ 05 m³ trở lên để sử dụng cho mục đích sinh hoạt tại các vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng biên giới, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng khan hiếm nước ngọt.

3. Khử muối từ nước lợ, nước mặn thành nước ngọt để sử dụng cho mục đích sinh hoạt:

a) Tổ chức đầu tư xây dựng công trình, lắp đặt thiết bị, áp dụng công nghệ khử muối từ nước lợ, nước mặn thành nước ngọt có quy mô từ 02 m³/ngày đêm trở lên đối với vùng biển, hải đảo, từ 10 m³/ngày đêm trở lên để sử dụng cho mục đích sinh hoạt đối với các vùng bị xâm nhập mặn;

b) Hộ gia đình, cá nhân lắp đặt thiết bị, áp dụng công nghệ khử muối từ nước lợ, nước mặn thành nước ngọt có quy mô từ 0,2 m³/ngày đêm trở lên đối với vùng biển, hải đảo, từ 01 m³/ngày đêm trở lên để sử dụng cho mục đích sinh hoạt đối với các vùng bị xâm nhập mặn để sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

4. Sản xuất, nhập khẩu sản phẩm, thiết bị, công nghệ sử dụng nước tiết kiệm:

a) Tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất sản phẩm, thiết bị, công nghệ sử dụng nước tiết kiệm đáp ứng tiêu chí tiết kiệm nước do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành;

b) Tổ chức, cá nhân nhập khẩu sản phẩm, thiết bị, công nghệ tiên tiến sử dụng nước tiết kiệm mà trong nước chưa sản xuất được đáp ứng tiêu chí tiết kiệm nước do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

5. Áp dụng công nghệ, kỹ thuật, biện pháp tưới tiết kiệm nước trong sản xuất nông nghiệp:

Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân áp dụng công nghệ, kỹ thuật, biện pháp tưới tiết kiệm nước cho sản xuất nông nghiệp đáp ứng tiêu chí tiết kiệm nước do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành với quy mô từ 0,5 ha trở lên đối với tưới lúa nước, 01 ha trở lên đối với tưới cây trồng cạn.

Điều 7. Ưu đãi đối với hoạt động tái sử dụng nước, sử dụng nước tuần hoàn

Hoạt động tái sử dụng nước, sử dụng nước tuần hoàn thuộc trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 6 của Nghị định này được hưởng các hình thức ưu đãi sau đây:

1. Được vay vốn ưu đãi theo quy định của pháp luật về tín dụng đầu tư của Nhà nước.
2. Được miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về thuế.

Điều 8. Ưu đãi đối với hoạt động đầu tư sản xuất, nhập khẩu sản phẩm, thiết bị, công nghệ sử dụng nước tiết kiệm

1. Hoạt động đầu tư sản xuất sản phẩm, thiết bị, công nghệ sử dụng nước tiết kiệm quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 6 của Nghị định này được hưởng các ưu đãi sau đây:

- a) Được vay vốn ưu đãi theo quy định của pháp luật về tín dụng đầu tư của Nhà nước;
- b) Được miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đối với phần thu nhập có được từ hoạt động đầu tư sản xuất sản phẩm, thiết bị, công nghệ sử dụng nước tiết kiệm theo quy định của pháp luật về thuế.

2. Hoạt động nhập khẩu sản phẩm, thiết bị, công nghệ tiên tiến tiết kiệm nước quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 6 của Nghị định này được miễn, giảm thuế nhập khẩu theo quy định của pháp luật về thuế.

Điều 9. Ưu đãi đối với hoạt động thu gom nước mưa, khử muối từ nước lợ, nước mặn thành nước ngọt để sử dụng cho sinh hoạt, áp dụng công nghệ, kỹ thuật, biện pháp tưới tiết kiệm nước trong sản xuất nông nghiệp

Hoạt động thu gom nước mưa, khử muối từ nước lợ, nước mặn thành nước ngọt, áp dụng công nghệ, kỹ thuật, biện pháp tưới tiết kiệm nước trong sản xuất nông nghiệp thuộc trường hợp quy định tại Khoản 2, Khoản 3 và Khoản 5 Điều 6 của Nghị định này được vay vốn ưu đãi theo quy định của pháp luật về tín dụng đầu tư của Nhà nước.

**Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 10. Trách nhiệm của các Bộ, ngành và các cơ quan có liên quan

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường:
 - a) Xác định và công bố vùng khan hiếm nước ngọt, vùng bị xâm nhập mặn;

b) Kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các quy định về ưu đãi đối với các hoạt động sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả theo quy định tại Nghị định này.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, các Bộ, ngành có liên quan ban hành tiêu chí sản phẩm, thiết bị, công nghệ sử dụng nước tiết kiệm quy định tại Khoản 4 Điều 6 của Nghị định này.

3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường và các Bộ, ngành có liên quan ban hành tiêu chí công nghệ, kỹ thuật, biện pháp tưới tiết kiệm nước cho sản xuất nông nghiệp quy định tại Khoản 5 Điều 6 của Nghị định này;

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường và các Bộ, ngành có liên quan hướng dẫn phương pháp xác định tỷ lệ lượng nước hồi quy được quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 6 của Nghị định này.

4. Bộ Tài chính:

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ quyết định việc ưu đãi về vay vốn đối với hộ gia đình, cá nhân sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả quy định tại Nghị định này;

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ quyết định miễn, giảm thuế nhập khẩu đối với tổ chức, cá nhân nhập khẩu sản phẩm, thiết bị, công nghệ tiên tiến sử dụng nước tiết kiệm quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 6 của Nghị định này;

c) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường và các Bộ, ngành liên quan hướng dẫn trình tự, thủ tục ưu đãi về vay vốn, miễn, giảm thuế; chỉ đạo các cơ quan thuế thực hiện việc miễn, giảm thuế theo quy định của Nghị định này.

Điều 11. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện chính sách ưu đãi hoạt động sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả và việc sử dụng ưu đãi trên địa bàn theo quy định tại Nghị định này.

2. Hằng năm, đánh giá tình hình thực hiện Nghị định tại địa phương, báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp.

Điều 12. Hiệu lực thi hành

1. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đã đầu tư thực hiện hoạt động sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành hoặc đã được hưởng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ từ các chương trình khác thì không được hưởng ưu đãi theo quy định của Nghị định này.

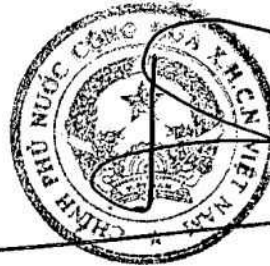
2. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2015.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTN (3b).

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**



Nguyễn Tấn Dũng